

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH SỬ PHẠM LỊCH SỬ**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-ĐHĐN ngày 17/10/2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai).*

*Đồng Nai, 2022*

## MỤC LỤC

- 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**
  - 2.1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Nai
  - 2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội
  - 2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo
- 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- 4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP**
  - 4.1. Vị trí việc làm
  - 4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp
- 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**
  - 5.1. Thông tin tuyển sinh
  - 5.2. Quy trình đào tạo
  - 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
- 6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**
- 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**
  - 7.1. Các phương pháp đánh giá
  - 7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)
- 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**
  - 8.1. Cấu trúc chương trình
  - 8.2. Nội dung chương trình
  - 8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT
  - 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến
  - 8.5. Mô tả các học phần.

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Lịch sử

Ngành Sư phạm Lịch sử (History Teacher Education) là ngành đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử cung cấp kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, nhằm thực hiện nhiệm vụ giảng dạy kiến thức lịch sử cho học sinh ở trường phổ thông hiện nay, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu giảng dạy ở nhà trường phổ thông, cơ sở nghiên cứu, cơ sở hoạt động văn hóa và các tổ chức chính trị xã hội khác.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tham gia các hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc học các trình độ đào tạo cao hơn như cao học, nghiên cứu sinh ở các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

#### **Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử**

Tên chương trình (Tiếng Việt): Sư phạm Lịch sử

Tên chương trình (Tiếng Anh): History Teacher Education

Mã ngành đào tạo: 7142018

Đơn vị cấp bằng: Bộ Giáo dục Đào tạo

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

## 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Đồng Nai

**Tầm nhìn:** Đến 2025 và 2030, Trường Đại học Đồng Nai trở thành cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ có thế mạnh trong các lĩnh vực sư phạm, quản lý giáo dục, đào tạo ngoại ngữ và các chuyên ngành kỹ thuật, logistics, thương mại điện tử, kinh tế và du lịch phục vụ cho phát triển của Cảng hàng không Long Thành, các khu công nghiệp gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**Sứ mạng:** Đào tạo trình độ Đại học, bồi dưỡng ngắn hạn, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc chuyên nghiệp cho các trường học, các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động và người học; Hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế, xã

hội của tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ.

**Giá trị cốt lõi:** Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Hợp tác - Phát triển.

**Triết lí giáo dục:** Học để biết - Học để làm - Học để cùng chung sống - Học để tự khẳng định mình.

+ **Học để biết:** Người học có khả năng

- Tự khám phá tri thức của nhân loại;
- Thiết lập mối quan hệ giữa tri thức cũ và mới;
- Ghi nhớ, ứng dụng những tri thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế.

+ **Học để làm:** Người học có khả năng

- Sử dụng kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm để giải quyết được những vấn đề thực tế;

- Trình bày cho người khác một cách mạch lạc những tri thức đã học và kĩ năng đã làm;

- Lao động để tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho bản thân, gia đình, xã hội.

+ **Học để chung sống:** Người học có khả năng

- Làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lí công việc, giao tiếp, đồng cảm, hỗ trợ, bao dung, tha thứ;

- Ứng phó với những thách thức của cuộc sống;

- Quý trọng những điều hay lẽ phải trong cuộc sống, yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường.

+ **Học để tự khẳng định mình:** Người học có khả năng

- Tạo lập và phát triển được giá trị của riêng mình;
- Tạo ra tri thức mới, giá trị mới cho bản thân và cộng đồng.

## **2.2. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội**

### **2.2.1. Tầm nhìn**

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội hướng đến việc đổi mới nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, phấn đấu trở thành nơi đào tạo giáo viên có chất lượng cao cho tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

### **2.2.2. Sứ mạng**

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội luôn xác định được vị trí và vai trò quan trọng cho việc đào tạo đội ngũ giáo viên trong lĩnh vực khoa học xã hội cho tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Chương trình đào tạo luôn đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập giáo dục hiện

đại, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cho tỉnh Đồng Nai và khu vực miền Đông Nam Bộ. Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội là cầu nối về nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao và triển khai những vấn đề cơ bản, những định hướng đổi mới về lĩnh vực khoa học xã hội cho sinh viên đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

## **2.3 . Mục tiêu của chương trình đào tạo**

### ***2.3.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức toàn diện và hệ thống về khoa học Lịch sử; khoa học giáo dục; có năng lực dạy học và hoạt động giáo dục ở trung học phổ thông; có khả năng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu khoa học cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội; có kiến thức cơ sở, chuyên môn vững vàng, hình thành năng lực nghề nghiệp, năng lực cá nhân đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ dạy học và hoạt động giáo dục theo yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

### ***2.3.2. Mục tiêu cụ thể (Program Object-Tier tắt là PO)***

– PO1: Biết, hiểu, phân tích, vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức khoa học Lịch sử vào dạy học chương trình Lịch sử phổ thông; vận dụng một cách sáng tạo vào giải quyết các vấn đề liên quan đến việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học Lịch sử.

– PO2: Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý thời gian dạy học, năng lực giáo dục, năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục Lịch sử ở trường phổ thông

– PO3: Thông hiểu những kiến thức cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về khoa học Lịch sử. Vận dụng được các phương pháp chuyên ngành và phương pháp liên ngành để phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử, những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, phân tích, đánh giá, phản biện trong lĩnh vực khoa học lịch sử. Có khả năng sử dụng và xây dựng kiến thức ứng dụng trong dạy học lịch sử, kết nối lịch sử với những vấn đề của hiện tại. Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu và vận dụng được kiến thức khoa học Lịch sử để giải quyết vấn đề.

– PO4: Có khả năng giao tiếp, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm, hợp tác cùng giải quyết hiệu quả công việc. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về

phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

– PO5: Có khả năng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nắm bắt các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

– PO6: Vận dụng hiệu quả cách đánh giá năng lực và phẩm chất của người học. Phân tích kết quả đánh giá, cung cấp thông tin phản hồi cho người học và những thành phần có liên quan; vận dụng hiệu quả kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ, tư vấn cho người học.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program learning outcomes-Viết tắt là PLOs)

*Bảng 1. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử*

PLOs	PLO Detail
<b>A1. Kiến thức chung (General Knowledges)</b>	
	<b>PLO 1:</b> Thông hiểu những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, pháp luật, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
	<b>PLO 2:</b> Tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội - Nhân văn, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Giáo dục vào trong công tác giảng dạy và nghiên cứu chuyên ngành Lịch sử.
<b>A2. Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp (Occupation Knowledges)</b>	
	<b>PLO 3:</b> Biết, hiểu, vận dụng được các phương pháp chuyên ngành và phương pháp liên ngành để phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
	<b>PLO 4:</b> Nắm vững những tri thức cơ bản về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Thế giới, Phương pháp dạy học lịch sử. Thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, phản biện trong lĩnh vực khoa học lịch sử.
	<b>PLO 5:</b> Thông hiểu bản chất và đánh giá được các mối tương quan giữa Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới. Có khả năng sử dụng và xây dựng kiến thức ứng dụng trong dạy học lịch sử, kết nối lịch sử với những vấn đề của hiện tại.

	<b>PLO 6:</b> Hiểu, biết và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, cách thức biên soạn tài liệu Lịch sử địa phương, các nguồn sử liệu phục vụ dạy học Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học Lịch sử. Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu và vận dụng được kiến thức khoa học Lịch sử để giải quyết vấn đề.
	<b>PLO 7:</b> Phân tích và đánh giá được các quan điểm tiếp cận và vận dụng đổi mới phương pháp dạy học nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông.
<b>B1. Kỹ năng chung (General Skills)</b>	
	<b>PLO 8:</b> Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để giải quyết vấn đề, đảm bảo chất lượng công việc. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ thuật dạy học hiện đại trong đổi mới phương pháp dạy học và nghiên cứu chuyên ngành.
	<b>PLO 9:</b> Có kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo; kỹ năng tự học, nghiên cứu, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả. Có kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tổ chức hoạt động trải nghiệm; kỹ năng giao tiếp và hợp tác giải quyết nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu giáo
<b>B2. Kỹ năng nghề nghiệp (Occupation Skills)</b>	
	<b>PLO 10:</b> Vận dụng được các lý thuyết phát triển chương trình, lý thuyết về phương pháp dạy học, phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế tổ chức các hoạt động dạy học với mục tiêu định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học và phương tiện, thiết bị hỗ trợ một cách có hiệu quả.
	<b>PLO 11:</b> Vận dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá trong lĩnh vực dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

	<b>PLO 12:</b> Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động sinh hoạt, học tập trải nghiệm - sáng tạo, định hướng tư vấn nghề nghiệp cho người học. Có năng lực, kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, kĩ năng xử lý vấn đề và giải quyết tình huống sư phạm trong dạy học, giáo dục.
	<b>PLO 13:</b> Vận dụng hiệu quả các phương pháp thu thập, xử lí thông tin, tổng hợp, chọn lọc nguồn thông tin phát hiện và giải quyết được các vấn đề về khoa học Lịch sử, khoa học giáo. Vận dụng sáng tạo, nắm vững quan điểm mới trong tiếp cận, nhận thức khoa học Lịch sử để dẫn chứng, liên hệ trong việc nghiên cứu quá trình vận động, phát triển của Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới.
<b>C. Tự chủ và trách nhiệm của người học (<i>Autonomy and responsibility</i>)</b>	
<b>C1. Ý thức (Awareness)</b>	
	<b>PLO 14:</b> Có tinh thần, ý thức tự học, tự nghiên cứu và phát triển bản thân, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
	<b>PLO 15:</b> Có thái độ đúng đắn, niềm tin và lòng yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao với nghề nghiệp.
<b>C2. Hành vi (Attitudes)</b>	
	<b>PLO16:</b> Đảm bảo các chuẩn mực đạo đức, thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; có tác phong làm việc phù hợp với môi trường giáo dục.
	<b>PLO17:</b> Chấp hành các quy định của Nhà nước và cơ quan, thực hiện tốt những quy định tại các cơ sở giáo dục phổ thông, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

*Chuẩn nghề nghiệp quốc tế thể hiện năng lực thực hiện KSA (Knowledge, Skills, Attitude)*

*Bảng 2. Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT*

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)</b>	<b>PO1</b>	<b>PO2</b>	<b>PO3</b>	<b>PO 4</b>	<b>PO5</b>	<b>PO6</b>
<b>PLO1</b>	1					
<b>PLO2</b>	1					
<b>PLO3</b>		2				
<b>PLO4</b>		2				



<b>PLO5</b>		2				
<b>PLO6</b>		2				
<b>PLO7</b>			3			
<b>PLO8</b>			3			
<b>PLO9</b>			3			
<b>PLO10</b>				4		
<b>PLO11</b>				4		
<b>PLO12</b>				4		
<b>PLO13</b>				4		
<b>PLO14</b>					5	
<b>PLO15</b>						6
<b>PLO16</b>						6
<b>PLO17</b>						6

#### **4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP**

##### **4.1. Cơ hội nghề nghiệp**

- Làm công tác giáo dục và giảng dạy phân môn Lịch sử tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trong cả nước

- Làm công tác chuyên trách công tác tại các bảo tàng, ban tuyên giáo, các sở, phòng văn hóa, các khu di tích lịch sử - văn hóa.

- Cán bộ phụ trách nội dung tại các cơ quan truyền hình, báo chí, nhà xuất bản.

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu khoa học xã hội; chuyên viên dự án về giáo dục cộng đồng, du lịch cộng đồng và bảo tồn di sản văn hoá vật thể.

##### **4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử và một số ngành gần ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tham gia các hội thảo, chuyên đề liên quan đến khoa học Lịch sử ở các cơ quan nghiên cứu và trường cao đẳng, đại học.

## **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử chấp nhận người học đáp ứng những điều kiện theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

### **5.2. Quy trình đào tạo**

- CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Đồng Nai.

- Chương trình đào tạo được thiết kế cho 4 năm học, với 135 tín chỉ. Một năm có hai học kì chính và một học kì phụ (học kì III) cho người học có thể học bù hoặc học vượt.

### **5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và an ninh; chứng chỉ Giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Đồng Nai.

## **6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP (Các phương pháp dạy học)**

CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử sử dụng các chiến lược và phương pháp dạy học dưới đây:

### **6.1. Dạy học trực tiếp**

Chiến lược dạy học này cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp, giảng viên trình bày, thuyết giảng và người học lắng nghe với các phương pháp như: Giải thích cụ thể; Thuyết giảng và Tham luận.

(1) Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết cụ thể các nội dung, thuật ngữ, khái niệm liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng.

(2) Thuyết giảng: giảng viên thuyết giảng, trình bày và giải thích nội dung bài học, người học nghe giảng tiếp nhận, ghi nhớ, tích lũy kiến thức.

(3) Tham luận: nhà khoa học hoặc chuyên gia đến từ các viện, trường học cơ quan,

doanh nghiệp bên ngoài (không phải là giảng viên) truyền đạt hiểu biết, kinh nghiệm của mình dạng tham luận giúp người học hình thành kiến thức.

## **6.2. Dạy học gián tiếp**

Chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, tìm kiếm và sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học với các phương pháp như: Câu hỏi gợi mở; Đặt và giải quyết vấn đề; Học theo tình huống; Seminar ....

(4) Câu hỏi gợi mở: giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở vấn đề, hướng dẫn người học từng bước trả lời nhằm làm rõ và giải quyết vấn đề; bên cạnh đó, người học còn tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề.

(5) Giải quyết vấn đề: người học tiếp nhận và đạt được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của môn học, làm sáng tỏ và tìm giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

(6) Học theo tình huống: giảng viên nêu tình huống xảy ra trong thực tế và yêu cầu người học (thường theo nhóm) tìm cách xử lý, qua đó hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

(7) Tổ chức Seminar: được xem là một dạng hội thảo, nghiên cứu chuyên đề, có thể đơn giản là một buổi báo cáo bài học tập, mà trong đó người học phải chủ động hoàn toàn tất cả các bước từ khâu chuẩn bị tài liệu, trình bày nội dung, trao đổi, thảo luận với các thành viên khác, rút ra được nội dung học hay vấn đề khoa học cũng như đưa ra các đề xuất, kiến nghị, giải pháp khẳng định hay bác bỏ một vấn đề Lịch sử.

## **6.3. Dạy học trải nghiệm**

Chiến lược dạy học này người học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu với các phương pháp như: Thực tập, thực tế; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

(8) Thực tập, thực tế: hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong lĩnh vực ngành, nghề được đào tạo, góp phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

(9) Nhóm nghiên cứu - giảng dạy: người học được tham gia vào các dự án của nhóm nghiên cứu - giảng dạy của giảng viên nhằm hình thành các năng lực nghiên cứu sáng tạo, tạo điều kiện chuyển tiếp lên bậc học cao hơn.

#### 6.4. Dạy học tương tác

Đây là cách dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kỹ năng xã hội, tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định.

(10) Tranh luận: giảng viên nêu vấn đề của bài học, người học tranh luận với nhau; người học phân tích, lý giải và thuyết phục người khác ủng hộ quan điểm của mình, qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

(11) Thảo luận: người học được chia thành các nhóm để bàn luận, trao đổi, bổ sung và thống nhất quan điểm với nhau về vấn đề được giảng viên đặt ra; trong thảo luận, người học có cùng quan điểm và mục tiêu chung thường tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

(12) Học nhóm: người học được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề của bài học và trình bày kết quả hoạt động của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình với sự đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác.

#### 6.5. Tự học

Cách học này người học tiến hành hoạt động học tập của mình với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên, nhưng qua đó họ tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp.

(13) Bài tập ở nhà: người học được giảng viên giao thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học.

Các chiến lược và phương pháp dạy học trên đây giúp người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử thể hiện ở Bảng 4.

*Bảng 3. Quan hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra (PLOs)*

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>Dạy học trực tiếp</b>																

1, Giải thích cụ thể	X		X	X	X	X	X		X			X	X	X		
2, Thuyết giảng	X		X	X	X		X	X								
3, Tham luận				X			X					X				
<b>Dạy học gián tiếp</b>																
4, Câu hỏi gợi mở	X			X	X		X									
5, Giải quyết vấn đề	X			X	X	X	X			X		X	X	X		X
6, Học theo tình huống				X	X	X				X					X	X
<b>Dạy học trải nghiệm</b>																
7, Mô hình				X									X			
8, Thực tập, thực tế		X		X	X	X	X		X			X		X		
9, Thí nghiệm																
10, Nhóm nghiên cứu giảng dạy		X				X	X							X	X	X
<b>Dạy học tương tác</b>																
11, Tranh luận				X						X	X				X	
12, Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13, Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Tự học</b>																
14, Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 7.1. Các phương pháp đánh giá (Methode Assement)

CTĐT áp dụng 2 phương pháp đánh giá chính là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc.

#### 7.1.1. Đánh giá quá trình (Process Assesement)

Nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá. xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành các học phần của CTĐT. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Bài kiểm tra giữa kì theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

#### 7.1.2. Đánh giá kết thúc học phần (The Exam)

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học phần trong CTĐT. Thi học phần lý thuyết theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua thực hiện và bảo vệ chuyên đề tiểu luận, khoá luận, thực hành giảng dạy, . .)

Bảng 4. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	<b>Đánh giá tiến trình</b>																
1	Đánh giá chuyên cần	X			X	X	X	X			X			X	X	X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
N	<b>Đánh giá tổng kết/ định kỳ</b>																
4	Đánh giá kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm																
6	Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp		X				X	X							X	X	
7	Đánh giá báo cáo	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Đánh giá thực hành giảng dạy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

## 7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

### 7.2.1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 -10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Dự học trên lớp	50%	Dự học trên lớp rất đầy đủ: (>90 %)	Dự học trên lớp đầy đủ: (75- <90%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: (55- <75 %)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: (40- <55 %)	Dự học trên lớp quá ít: (<40 %)
Đóng góp tại lớp	50%	Tham gia tích cực các	Tham gia các hoạt	Tham gia khá đầy đủ	Có tham gia các	Không tham gia

		hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả.	các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp.
--	--	----------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------

### 7.2.2. Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 -10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nộp bài tập	20%	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập khá đầy đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
Trình bày bài tập	30%	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ; hình vẽ bảng biểu rõ ràng, cụ thể, hợp lý.	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; hình vẽ bảng biểu rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Trình bày đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Không có bài tập

				(chính tả, ghi chú, kích cỡ)		
Nội dung bài tập	50%	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; tính toán logic, hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập

### 7.2.3. Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 -10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nội dung báo cáo	50%	Phong phú hơn yêu cầu, chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu, khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu	Phù hợp với yêu cầu, tương đối chính xác, khoa học, tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng.	Phù hợp với yêu cầu, tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng.	Thiếu nhiều nội dung quan trọng hoặc không phù hợp với yêu cầu, thiếu chính xác, khoa học.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất	Cấu trúc bài và slide hợp lý,	Cấu trúc bài và slide tương đối	Cấu trúc bài và slide chưa hợp	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài và



		hợp lý, rất trực quan và thẩm mỹ	trực quan và thẩm mỹ	hợp lý, rõ ràng	lý, ít trực quan và thẩm mỹ	không đủ số lượng theo quy định
Thuyết trình	10%	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác; người nghe có thể hiểu và bắt kịp được tất cả nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	Phần trình bày khá súc tích, sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu, âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với người nghe, người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng, âm giọng vừa phải, dễ nghe, người nghe có thể hiểu nội dung trình bày, thời gian trình bày đúng quy định	Phần trình bày đầy đủ, âm giọng thấp, một số phần không rõ ràng, chưa có tương tác, thời gian trình bày đúng quy định	Phần trình bày không logic, sử dụng từ không đúng, âm giọng thấp, không đúng, người nghe không hiểu, vượt quá thời gian quy định.
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù	Không trả lời được đa số câu hỏi nhưng nêu được định hướng phù	Không trả lời được đa số câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

			câu hỏi chưa trả lời được	hợp với những câu hỏi chưa trả lời được	những câu hỏi chưa trả lời được	
--	--	--	---------------------------	-----------------------------------------	---------------------------------	--

#### 7.2.4. Đánh giá khóa luận

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 -10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nội dung khóa luận	50%	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài. Dẫn đạt chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn cụ thể; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề hoàn toàn thuyết phục hội đồng.	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài. Dẫn đạt khá chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn khá cụ thể; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề khá thuyết phục hội đồng.	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài nhưng còn một số hạn chế. Dẫn đạt khá chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn còn hạn chế; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề chưa thuyết phục cao	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài khá thấp. Dẫn đạt chưa chặt chẽ, lập luận chưa rõ ràng, dẫn nguồn còn hạn chế; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề chưa thuyết phục hội đồng	Không triển khai được khóa luận đúng với tên đề tài.

				hội đồng		
Hình thức khóa luận	10%	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, rõ ràng, hợp lí. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ phù hợp với khóa luận.	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, rõ ràng, hợp lí nhưng còn hạn chế. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ phù hợp với khóa luận.	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, nhưng còn một số lỗi cần chỉnh sửa. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ còn hạn chế.	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định nhưng còn mắc nhiều lỗi cần chỉnh sửa. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ còn hạn chế.	Hình thức trình bày khóa luận không đúng theo quy định.
Bảo vệ khóa luận	10%	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận.	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận nhưng còn một số hạn chế.	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận nhưng còn mắc một số lỗi.	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận nhưng còn mắc nhiều lỗi.	Không trình bày được khóa luận trước hội đồng.
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đúng, rõ	Trả lời đúng,	Trả lời được một	Trả lời được một	Không trả lời được

		ràng tất cả các câu hỏi từ hội đồng.	nhưng chưa rõ ràng tất cả các câu hỏi từ hội đồng.	số câu hỏi từ hội đồng.	số câu hỏi từ hội đồng nhưng chưa rõ ràng.	các câu hỏi từ hội đồng.
--	--	-----------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------------------------	--------------------------------

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 TC

(Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 TC
- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: 112 TC
- + Kiến thức cơ sở ngành: 18
- + Kiến thức chuyên ngành: 94

### 8.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		Học phần học trước
				Lý thuyết	Thực hành	
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>23</b>			
1	2101001	Triết học Mac-Lenin	3	45		
2	2101002	Kinh tế chính trị Mac-Lenin	2	30		2101001
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		2101002
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2101003
5	2101005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		2101004
6	2101006	Tin học đại cương	3	30	30	
7	2101007	Tiếng Anh 1	2	30		
8	2101008	Tiếng Anh 2	2	30		

9	2101009	Tiếng Anh 3	3	45		
10	2101010	Pháp luật đại cương	2	30		
11	2101011	Giáo dục thể chất	<b>3</b>			
12	2101012	Giáo dục quốc phòng	<b>165 tiết</b>			
<b>II. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp</b>			<b>112</b>			
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>18</b>			
13		Tâm lý học đại cương	2	30		
14		Giáo dục học đại cương	2	30		
15	2109101	Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	2	15	30	
16	2109102	Nhập môn sử học	2	30		
17	2109103	Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam	2	30		
18	2109104	Lý luận dạy học lịch sử	2	30		
19	2109105	Khảo cổ học đại cương	2	30		
20	2109106	Nhân học đại cương	2	30		
21	2109107	Phương pháp luận sử học	2	30		
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>						
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>84 TC</b>			
22	2109301	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	60		
23	2109302	Lịch sử thế giới cận đại	4	60		
24	2109303	Lịch sử thế giới hiện đại	4	60		
25	2109304	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	60		
26	2109305	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	60		
27	2109306	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	60		

28	2109307	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử Việt Nam	3	45		
29	2109308	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	2	30		
30	2109309	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	2	30		
31	2109310	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3	45		
32	2109311	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	2	30		
33	2109312	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2	30		
34	2109313	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	3	45		
35	2109314	Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	2	30		
36	2109315	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	30		
37	2109316	Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam	2	30		
38	2109317	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử	2	30		
39	2109318	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	3		90	
40	2109319	Lịch sử văn minh thế giới	2	30		
41	2109320	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử.	2	15	30	
42	2109321	Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông	2	30		
43	2109322	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2		60	

44	2109323	Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản	2	30		
45	2109324	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	2	30		
46	2109325	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á	2	30		
47	2109326	Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại	2	30		
48	2109327	Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	2	30		
49	2109328	Thực tế chuyên môn 1	2	30		
50	2109329	Thực tế chuyên môn 2	2	30		
51	2109330	Thực tập sư phạm 1	2	30		
52	2109331	Thực tập sư phạm 2	5	75		
<b>Các học phần thay thế tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>5</b>			
53	2109332	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 –	2	30		
54	2109333	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử	3	45		
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>10/30</b>			
55	2109401	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	30		
56	2109402	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	2	30		
57	2109403	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	2	30		
58	2109404	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	2	30		

59	2109405	Chiến lược tiền công trong cách mạng miền Nam (1954-1975)	2	30		
60	2109406	Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX	2	30		
61	2109407	ASEAN – những chặng đường lịch sử	2	30		
62	2109408	Nhà nước và pháp luật thế giới cổ trung đại	2	30		
63	2109409	Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh THPT				
64	2109410	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	2	30		
65	2109411	Cơ sở bảo tàng học	2	30		
66	2109412	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII	2	30		
67	2109413	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	2	30		
68	2109414	Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX	2	30		
69	2109415	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	2	30		

### 8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>I. Khối kiến thức chung</b>																			



<b>Các học phần bắt buộc</b>														
1	2101001	Triết học Mác – Lênin	2											
2	2101002	Kinh tế chính trị Mác	2											
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa	2											
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí	2											
5	2101005	Lịch sử Đảng Cộng	2											
6	2101006	Tin học đại cương	2											
7	2101007	Ngoại ngữ không chuyên 1							2					
8	2101008	Ngoại ngữ không chuyên 2							2					
9	2101009	Ngoại ngữ không chuyên 3							2					
10	2101010	Pháp luật đại cương												
11	2101011	Giáo dục thể chất												
12	2101012	Giáo dục quốc phòng và an ninh												
<b>II. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp</b>														
<b>Kiến thức cơ sở của ngành</b>														
13	2109108	Tâm lý học đại cương	2											
14	2109109	Giáo dục học đại	2											
15	2109101	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử		2	2			2						
16	2109102	Nhập môn sử học			2	3	3	2	3	3	3	2	3	3
17	2109103	Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam				2	2							2
18	2109104	Lý luận dạy học lịch			3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
19	2109105	Khảo cổ học đại cương				2	2				2			3
20	2109106	Nhân học đại cương				2	2				2			3
21	2109107	Phương pháp luận sử học			2	3	3	2	3	3	3	2	3	3
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>														

<i>Các học phần bắt buộc</i>																			
22	2109301	Lịch sử thế giới cổ đại trung đại			2	2	2	2	2	2	2				3	3	2	3	2
23	2109302	Lịch sử thế giới cận đại			2	2	2	2	2	2	2				3	3	2	3	2
24	2109303	Lịch sử thế giới hiện đại			2	2	2	2	2	2	2				3	3	2	3	2
25	2109304	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
26	2109305	Lịch sử Việt Nam cận đại			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
27	2109306	Lịch sử Việt Nam hiện đại			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
28	2109307	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử Việt			2	2	2	2	2	3	3	3		3	3	3	3	3	3
29	2109308	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại			2	3	2	2	2	3	3	3			3	3	3	3	3
30	2109309	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam			2	2	2		3					3					
31	2109310	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam				3	2	2	2	2	3	3			3	3	3	3	3
32	2109311	Một số nền văn minh trên đất nước Việt				2		2	3					3					
33	2109312	Lý luận và lịch sử tôn giáo			2	2	2		3					3					
34	2109313	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam			2	2	2	2	3					3					

35	2109314	Giáo dục chủ quyền biên đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông				2	2	2	3	3	2	3			3	3	3	3	3	3
36	2109315	Lịch sử ngoại giao Việt Nam				2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
37	2109316	Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam				2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
38	2109317	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử				2	2	3	2	2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
39	2109318	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên				3	2		2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
40	2109319	Lịch sử văn minh thế giới				2				2				3						
41	2109320	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử					2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
42	2109321	Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông					2		2	2		3	3		3	3	3	3	3	3
43	2109322	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2				3	2		2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
44	2109323	Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản				3	3	2	2	2	3	2			3	3	2	2		
45	2109324	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương				3	3	2	2	2	3	2			3	3	2	2	2	

46	2109325	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á			3	3	2	2	2	3	2				3	3	2	2	2	
47	2109326	Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại			3	3	2	2	2	3	2				3	3	2	2	2	
48	2109327	Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay			3	3	2	2	2	3	2				3	3	2	2	2	
49	2109328	Thực tế chuyên môn 1					2			2				3	3					
50	2109329	Thực tế chuyên môn 2					2			2				3	3					
51	2109330	Thực tập sư phạm 1					2	2	3			3					3	3		
52	2109331	Thực tập sư phạm 2					2	2	3			3					3	3		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp</i>																				
53	2109332	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 –			2	3	3	2	3	3	3	2			3	3	3	3	3	3
54	2109333	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử			3	2	2	2	3	3	3	3			3	3	3	3	3	3
<i>Các học phần tự chọn</i>																				
55	2109401	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam				2		2	3						3					
56	2109402	Làng xã Việt Nam trong lịch sử				2		2	3						3					
57	2109403	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại			3	2	2	2	3	3	3				3	3	3	3	3	3
58	2109404	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)			3	2	2	2		3	3	3			3	3	3	3	3	3

59	2109405	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975)			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
60	2109406	Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
61	2109407	ASEAN – những chặng đường lịch sử			2	2		3						3					
62	2109408	Nhà nước và pháp luật thế giới cổ trung đại			2	2		3						3					
63	2109409	Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh			3	2	2	2	3	2	3	3		3	3	3	3	3	3
64	2109410	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương			2	2	2	3	3	2	3			3	3	3	3	3	3
65	2109411	Cơ sở bảo tàng học			3	2	2	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
66	2109412	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII			3	2	2		3	3	3			3	3	3	3	3	3
67	2109413	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt			2	3	3	2	3	3	3	2		3	3	3	3	3	3
68	2109414	Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ			3	3	2	2	2	3	2				3	3	2	2	2
69	2109415	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX			3	3	2	2	2	3	2				3	3	2	2	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:  
 1 = đóng góp mức thấp.

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Để trống = không đóng góp.

#### 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>23</b>									
<b>Nhóm học phần bắt buộc</b>												
1	2101001	Triết học Mác – Lênin	3		X							
2	2101002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			X						
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				X					
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					X				
5	2101005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						X			
6	2101006	Tin học đại cương	3		X							
7	2101007	Tiếng Anh 1	2		X							
8	2101008	Tiếng Anh 2	2			X						
9	2101009	Tiếng Anh 3	3				X					
10	2101010	Pháp luật đại cương	2	X								
11	2101011	Giáo dục thể chất 1	3									
12	2101012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165 tiết									
<b>Nhóm học phần tự chọn</b>			<b>2</b>									
<i>Giáo dục thể chất 2</i>			<i>1</i>									
11	BOCH2	Bóng chuyền	1		1							

	BODA2	Bóng đá	1		1								
	CALO2	Cầu lông	1		1								
	VOTA2	Võ Taekwondo	1		1								
<i>Giáo dục thể chất 3</i>			<i>1</i>										
11	BOCH2	Bóng chuyền	1			1							
	BODA2	Bóng đá	1			1							
	CALO2	Cầu lông	1			1							
	VOTA2	Võ Taekwondo	1			1							
<b>II. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp</b>													
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>													
13	2109108	Tâm lý học đại cương	2	X									
14	2109109	Giáo dục học đại cương	2		X								
15	2109101	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	2				X						
16	2109102	Nhập môn sử học	2	X									
17	2109103	Tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam	2	X									
18	2109104	Lý luận dạy học lịch sử	2				X						
19	2109105	Khảo cổ học đại cương	2	X									
20	2109106	Nhân học đại cương	2	X									
21	2109107	Phương pháp luận sử học	2				X						
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>													
22	2109301	Lịch sử thế giới cổ đại trung đại	4	X									
23	2109302	Lịch sử thế giới cận đại	4		X								
24	2109303	Lịch sử thế giới hiện đại	4				X						

25	2109304	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4		X						
26	2109305	Lịch sử Việt Nam cận đại	4			X					
27	2109306	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4				X				
28	2109307	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử Việt Nam	3								X
29	2109308	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	2								X
30	2109309	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	2								X
31	2109310	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3							X	
32	2109311	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	2					X			
33	2109312	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2							X	
34	2109313	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	2					X			
35	2109314	Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	2								X
36	2109315	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2							X	
37	2109316	Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam	2							X	
38	2109317	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử	2					X			



39	2109318	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	3				X				
40	2109319	Lịch sử văn minh thế giới	2			X					
41	2109320	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	2				X				
42	2109321	Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông	2			X					
43	2109322	Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản	2					X			
44	2109323	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2					X			
45	2109324	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	2							X	
46	2109325	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á	2				X				
47	2109326	Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại	2						X		
48	2109327	Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	2							X	
49	2109328	Thực tế chuyên môn 1	2				X				
50	2109329	Thực tế chuyên môn 2	2						X		
51	2109330	Thực tập sư phạm 1	2					X			
52	2109331	Thực tập sư phạm 2	5								X
<b><i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>											
53	2109332	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975)	2								X



66	2109412	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII	2						X		
67	2109413	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	2							X	
68	2109414	Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX	2							X	
69	2109415	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	2							X	
<b>TỔNG</b>			135	<b>16</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>12</b>

## 8.5. Mô tả các học phần

### 8.5.1. *Khởi kiến thức chung*

#### 1. (2101001) Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Kiến thức cơ bản của học phần triết học Mác – Lênin là nền tảng để sinh viên có các quan điểm, lập trường duy vật biện chứng để tiếp thu kiến thức các học phần chuyên ngành, các học phần lý luận chính trị tiếp theo.

Học phần Triết học Mác – Lênin được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức.

Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của

các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

## **2. (2101002) Kinh tế chính trị Mac-Lenin (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin gồm 6 chương:

Chương 1: Trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Chương 2: Trình bày về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Chương 3: Trình bày về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Chương 4: Trình bày về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Chương 6: Trình bày về công nghiệp hóa, hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

## **3. (2101003) Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương:

Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### **4. (2101004) Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

Chương trình học phần gồm 6 chương:

Chương I: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương II: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

#### **5. (2101005) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải

phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu thành 4 chương:

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)

Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

## **6. (2101006) Tin học đại cương (3TC= 2LT+1TH)**

Học phần nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

Nội dung học phần là trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về tin học, máy tính điện tử, mạng máy tính, internet. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như: soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.

Sinh viên được học trực tiếp trong phòng máy có trang bị máy chiếu hỗ trợ giảng dạy. Mỗi sinh viên thực thành trên 1 máy tính và phải hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm làm cơ sở để giảng viên đánh giá điểm quá trình. Bài thi đánh giá kết thúc học phần được lựa chọn theo hình thức trắc nghiệm khách quan.

## **7. ( 2101007 ) Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 1 (2 tín chỉ )**

Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ

sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng được từ vựng và cấu trúc để diễn đạt ý tưởng trong giao tiếp về các chủ đề ngôn ngữ ở trình độ cơ bản. Hoàn thành biểu mẫu với thông tin cá nhân như điền tên, quốc tịch, và địa chỉ; viết thư điện tử đơn giản, ngắn gọn trong công việc và cuộc sống hàng ngày với các cách biểu đạt trạng thái tình cảm, cách sử dụng từ nói phù hợp. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm giúp sinh viên có thái độ học tập tích cực, yêu thích môn học, tự tin, sáng tạo, chia sẻ và hợp tác trong học tập, thực hiện tốt hoạt động học tập cá nhân, cặp, nhóm trong và ngoài giờ học.

#### **8. ( 2101008 ) Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xử lý tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.

#### **9. ( 2101009 ) Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp phức tạp hơn, xây dựng thêm vốn từ vựng để làm nền tảng phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh tại lớp cũng như ngoài lớp. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản nghe, nói, đọc, viết trong công việc nghiên cứu và tiếp

cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xử lý tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.

### **10. (2101010) Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)**

Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.

Chương trình môn học bao gồm 08 chương, nghiên cứu và trình bày những kiến thức cơ bản sau: những vấn đề cơ bản về Nhà nước như nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng, hình thức nhà nước và Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; những vấn đề cơ bản về Pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng, hình thức pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật và pháp chế Xã hội Chủ nghĩa; những quy định của pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành như dân sự, hình sự, hôn nhân – gia đình, lao động, hành chính v.v..., pháp luật về phòng chống tham nhũng và các thủ tục tố tụng.

### **11. (2101011) Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)**

+ Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh) là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tố chất vận động.

+ Học phần giáo dục thể chất 2 (Cầu lông) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.



+ Học phần giáo dục thể chất 2 (võ Taekwondo) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ,

+ Học phần giáo dục thể chất 3 (Bóng đá) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.

## **12. (2101012) Giáo dục quốc phòng (165 tiết)**

### **8.5.2. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp**

## **13. (2109108) Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)**

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.

## **14. (2109109) Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)**

Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.

Cụ thể, môn giáo dục học đại cương có những nội dung sau: giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...

## **15. (2109101) Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử (2 tín chỉ)**

### **Học phần tiên quyết/học trước: Không**

Học phần giới thiệu về những vấn đề chung của khoa học và nghiên cứu khoa học; những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu

khoa học; cấu trúc logic của công trình nghiên cứu khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp trình bày một báo cáo khoa học.

Ngoài những vấn đề chung, học phần trang bị cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu khoa học được vận dụng trong nghiên cứu lịch sử nói riêng và các khoa học thuộc khoa học Xã hội - Nhân văn nói chung như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp so sánh lịch sử, phương pháp định lượng, phương pháp liên ngành; tiến trình nghiên cứu khoa học và cuối cùng là thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu các đề tài khoa học Lịch sử.

### **16. (2109102) Nhập môn sử học (2 tín chỉ)**

Học phần Nhập môn sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học lịch sử, rèn luyện các kỹ năng và phương pháp học tập, nghiên cứu sử học, trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, quá trình phát triển của khoa học lịch sử; Từ đó trang bị cho người học phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học đúng đắn, khách quan.

Học phần được chia thành 4 chương: Những hiểu biết cơ bản về lịch sử và khoa học lịch sử; Lịch sử là một khoa học; Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên; Quá trình phát triển của sử học thế giới; Quá trình phát triển của sử học Việt Nam.

Học phần Nhập môn sử học được chia thành 4 chương:

Chương 1. Những hiểu biết cơ bản về lịch sử và khoa học lịch sử.

Chương 2. Sơ lược lịch sử phát triển của khoa học lịch sử.

Chương 3. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vận dụng vào học tập, nghiên cứu lịch sử.

Chương 4. Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học.

### **17. (2109103) Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)**

#### **Học phần tiên quyết/học trước: Không**

Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về văn hóa Việt Nam theo tiến trình lịch sử. Những nội dung chính của học phần sẽ được phân tích, làm rõ gồm: Nhập môn về Văn hóa và Văn hóa học; Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam; Diễn trình văn hóa Việt Nam; Một số

vấn đề văn hóa Việt Nam (Tiếp xúc và giao lưu trong văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Các thành tố văn hóa Việt Nam). Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu lịch sử văn hóa, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

#### **18. (2109104) Lý luận dạy học lịch sử (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử; Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử; Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông; Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình; Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông.

Học phần Lý luận dạy học lịch sử kết cấu gồm 4 chương

Chương 1. Phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học

Chương 2. Bộ môn lịch sử ở trường phổ thông

Chương 3. Chức năng giáo dục của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông

Chương 4. Phát triển năng lực nhận thức và thực hành của học sinh qua dạy học lịch sử

#### **19. (2109105) Khảo cổ học đại cương (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Không**

Khảo cổ học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lí thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn. Các thời đại Khảo cổ học bao gồm: Thời đại đồ đá cũ; Thời đại đồ đá giữa; Thời đại đồ đá mới; Thời đại đồ đồng; Thời đại đồ sắt. Những thành tựu của khảo cổ học Việt Nam thời sơ sử với ba văn hóa khảo cổ: Văn hóa Đông Sơn; Văn hóa Sa Huỳnh; Văn hóa Óc Eo. Những thành tựu khảo cổ học lịch sử với các các nghiên cứu về Thành cổ; Mộ táng; Đình; Chùa; Khảo cổ học Cham Pa; Khảo cổ học Phù Nam. Học phần cũng trang bị những phương pháp và thao tác trong nguyên cứu khảo cổ, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử giai đoạn cổ trung đại.

#### **20. (2109106) Nhân học đại cương (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Không**

Nhân học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những

kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

## **21. (2109107) Phương pháp luận sử học (2 tín chỉ)**

### **Học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn sử học**

Phương pháp luận sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của phương pháp luận sử học, các hình thái kinh tế xã hội và các cách phân kì lịch sử thế giới và Việt Nam; rèn luyện các kỹ năng sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học lịch sử đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phát triển khả năng tự nghiên cứu, phân tích được mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội khác.

Học phần Phương pháp luận sử học được chia làm 5 chương

Chương 1. Khái luận về phương pháp luận sử học.

Chương 2. Phương pháp luận về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử xã hội.

Chương 3. Sử học là một khoa học.

Chương 4. Quan điểm cơ bản của CN Mác-Lênin vận dụng vào nhận thức và nghiên cứu lịch sử.

Chương 5. Một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu lịch sử.

## **22. (2109301) Lịch sử thế giới cổ trung đại (4 tín chỉ)**

Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia Cổ đại phương Đông và phương

Tây; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.

Học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại được kết cấu thành 5 chương:

Chương 1: Xã hội nguyên thủy

Chương 2: Phương Đông cổ đại

Chương 3: Phương Tây cổ đại

Chương 4: Các quốc gia phong kiến Tây Âu thời trung đại

Chương 5: Các nước phương Đông trung đại

### **23. (2109302) Lịch sử thế giới cận đại (4 tín chỉ)**

Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính sau: Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của CNTB Âu Mỹ cuối TK XIX đầu TK XX; Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội KH; Quá trình xâm chiếm thuộc địa của CNTB phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á – Phi - Mỹ latin.

Học phần Lịch sử thế giới cận đại được kết cấu thành 10 chương:

Chương 1: Những cuộc cách mạng tư sản đầu thời cận đại

Chương 2: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

Chương 3: Các nước Á, Phi, Mỹ Latinh từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.

Chương 4: Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học - Quốc tế thứ nhất.

Chương 5: Thắng lợi của CNTB ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật Bản giữa TK XIX.

Chương 6: Chiến tranh Pháp- Phổ và công xã Paris (1871).

Chương 7: Các nước Âu - Mỹ - Nhật cuối TK XIX đầu thế kỉ XX

Chương 8: Các nước Á – Phi - Mỹ latin cuối TK XIX đầu TK XX

Chương 9: Phong trào công nhân cuối TK XIX đầu TK XX- Quốc tế thứ II.

Chương 10: Quan hệ quốc tế cuối TK XIX đầu TK XX. Chiến tranh thế giới thứ I (1914- 1918).

### **24. (2109303) Lịch sử thế giới hiện đại (4 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học những nội dung về lịch sử thế giới trong các giai đoạn lịch sử như sau:

- 1917- 1945: Cuộc cách mạng tháng Mười Nga 1917; Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921- 1941); Phong trào cách mạng thế giới (1918- 1939); các nước tư bản (1919- 1939); quan hệ quốc tế và chiến tranh thế giới lần thứ hai.

- 1945 đến nửa đầu những năm 70: Gồm quan hệ quốc tế 1945 đến nửa đầu những năm 70; Liên Xô Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70; các nước Á – Phi – Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai; Các nước TBCN sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70.

- Từ nửa sau những năm 70 đến nay: Gồm quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 70 đến nay; Liên Xô và các nước Đông Âu từ nửa sau những năm 70 đến 1991; các nước TBCN từ nửa sau những năm 70 đến nay; cách mạng khoa học kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

## **25. (2109304) Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (4 tín chỉ)**

Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến khi thực dân Pháp xâm lược. Những nội dung chính của học phần sẽ được tập trung phân tích, làm rõ là: Niên đại và địa bàn cư trú của người Việt Cổ thời Hùng Vương, sự chuyển biến về tình hình kinh tế - xã hội, sự ra đời của nhà nước Văn Lang, cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần và sự hình thành nhà nước Âu Lạc, tình hình kinh tế - xã hội và nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, cuộc xâm lược của nhà Triệu; các thế lực phong kiến phương Bắc, chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, những chuyển biến về kinh tế, xã hội văn hóa, các cuộc đấu tranh vũ trang giành lại độc lập, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng nhằm bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền; Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật phong kiến; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

Học phần Lịch sử Việt Nam cổ trung đại gồm 17 chương

Chương 1. Việt Nam thời tiền sử

Chương 2. Thời kỳ hình thành các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam

Chương 3. Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc lần thứ nhất

Chương 4. Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc lần thứ hai

Chương 5. Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc lần thứ ba

Chương 6. Hoàn thiện độc lập dân tộc và hoàn thành thống nhất quốc gia (từ họ Khúc đến nhà Tiền Lê)

Chương 7. Nước Đại Việt dưới Vương triều Lý

Chương 8. Nước Đại Việt dưới Vương triều Trần

Chương 9. Đất nước dưới thời Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly

Chương 10. Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Chương 11. Chế độ phong kiến tập quyền thịnh đạt dưới triều Lê sơ

Chương 12. Vương quốc Champa dưới thời Vương triều Phật Thệ (Vijaya)

Chương 13. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến thời Lê Mạc và sự ra đời của Vương triều Mạc

Chương 14. Đại Việt thời xung đột Trịnh - Nguyễn và phân liệt Đàng Trong - Đàng Ngoài

Chương 15. Phong trào nông dân thế kỷ XVIII và Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn

Chương 16. Nước Đại Việt dưới Vương triều Tây Sơn

Chương 17. Nước Đại Nam dưới Vương triều Nguyễn

## **26. (2109305) Lịch sử Việt Nam cận đại (4 tín chỉ)**

Lịch sử Việt Nam cận đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam trong từ năm 1858 đến năm 1945 được phân kỳ thành các giai đoạn sau: 1858-1896, 1897-1918, 1919-1930, 1930-1945. Những nội dung chính của học phần sẽ được tập trung phân tích, làm rõ là: Bối cảnh lịch sử khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào đấu tranh chống Pháp và những chính sách của triều đình nhà Nguyễn; Quá trình thay đổi trong chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp qua từng giai đoạn và những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa Việt Nam. Sự phát triển của phong trào yêu nước, cách mạng Việt Nam qua từng Học phần Lịch sử Việt Nam cận đại gồm 12 chương

Chương 1. Nước Việt Nam trước nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp

Chương 2. Thực dân Pháp xâm lược miền Nam, nhân dân Miền Nam chống xâm lược (1858 - 1873)

Chương 3. Thực dân Pháp mở rộng xâm lược cả nước, nhân dân cả nước kháng chiến chống xâm lược

Chương 4. Phong trào võ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX

Chương 5. Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX đến hết chiến tranh thế giới lần thứ I (1897 - 1918)

Chương 6. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội sau chiến tranh thế giới thứ nhất

Chương 7. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam 1919-1925

Chương 8. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam 1925 - 1929

Chương 9. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Chương 10. Phong trào cách mạng Việt Nam 1930-1935

Chương 11. Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939

Chương 12. Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945 và Cách mạng tháng Tám giai đoạn sẽ được phân tích và đánh giá một cách toàn diện, hệ thống và khách quan.

### **27. (2109306) Lịch sử Việt Nam hiện đại (4 tín chỉ)**

Lịch sử Việt Nam hiện đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954-1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975 đến nay.

Học phần Lịch sử Việt Nam hiện đại gồm 10 chương

Chương 1. Xây dựng và bảo vệ chế độ mới, bước đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1947)

Chương 2. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện (1948-1950)

Chương 3. Tiến lên giành thắng lợi cuối cùng (1951-1954)

Chương 4. Miền Bắc đấu tranh chống Mỹ-Diệm cường ép đồng bào di cư, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế và cải tạo quan hệ sản xuất. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ-Diệm, giữ gìn hòa bình (1954-1960)

Chương 5. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1961-1965)

Chương 6. Chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)



Chương 7. Miền Bắc tiếp tục xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, tăng cường lực lượng cho miền Nam. Miền Nam đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1973)

Chương 8. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, tiếp tục tăng cường lực lượng cho miền Nam. Miền Nam tiến lên giải phóng hoàn toàn (1973-1975)

Chương 9. Việt Nam độc lập, thống nhất và hòa bình xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội (1975-1985)

Chương 10. Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986-2000)

**28. (2109307) Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại.**

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vị trí địa chiến lược của Việt Nam, hoàn cảnh lịch sử và diễn biến một số cuộc khởi nghĩa trong chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn; vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản

Chương 1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

Chương 2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN - đến cuối thế kỉ XIX)

Chương 3. Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)

**29. (2109308) Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại**

Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần gồm có 3 chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung

các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Học phần Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng

Chương 2. Một số cuộc cải cách và tư tưởng cải cách tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại

Chương 3. Nhận xét chung về những cuộc cải cách và tư tưởng cải cách trong lịch sử VN cổ trung đại và những vấn đề đặt ra hiện nay

### **30. (2109309) Lịch sử nghệ thuật Việt Nam (2 tín chỉ)**

Lịch sử nghệ thuật Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần giúp sinh viên có được những hiểu biết mang tính hệ thống về các ngành nghệ thuật ở nước ta từ cổ truyền cho đến hiện đại qua đó hiểu biết một cách toàn diện về tiến trình lịch sử dân tộc, giúp cho người học giảng dạy tốt các bài giảng lịch sử có liên quan ở nhà trường trung học phổ thông sau này. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức bao gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn giới thiệu về đối tượng, vị trí và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Các chương tiếp theo lần lượt trình bày một cách có hệ thống về quá trình hình thành, đặc trưng của các loại hình nghệ thuật gồm: Âm nhạc; Sân khấu; Kiến trúc; Điêu khắc; Hội họa ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Học phần cũng trang bị những phương pháp nghiên cứu liên ngành Lịch sử, Văn hóa và Nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử văn hóa nghệ thuật.

### **31. (2109310) Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (3 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại.**

Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Việc nghiên cứu về Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản sau:

- Có được những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

- Nhận thức được quy luật về tổ chức, hoạt động của nhà nước Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

- Hiểu được những nội dung chính của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Học phần Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam kết cấu nội dung gồm 4 chương:

Chương 1. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

Chương 2. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 -1976)

Chương 3. Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay

Chương 4. Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

### **32. (2109311) Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (2 tín chỉ)**

Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành và những thành tựu của các văn minh Việt Nam bao gồm: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Văn minh Cham Pa và Văn minh Óc Eo. Những nội dung chính của học phần được kết cấu gồm 3 chương. Chương I: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Chương II: Văn minh Cham Pa; Chương III: Văn minh Óc Eo. Ở cả ba chương tập trung phân tích làm rõ quá trình hình thành và những thành tựu nổi bật về văn hóa vật chất (Kiến trúc, điêu khắc, các ngành nghề thủ công) và văn hóa tinh thần (tôn giáo, tín ngưỡng và các loại hình nghệ thuật). Học phần cũng trang bị những phương pháp nghiên cứu liên ngành Khảo cổ học, Lịch sử và Nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và lịch sử tộc người.

### **33. (2109312) Lý luận và lịch sử tôn giáo (2 tín chỉ)**

Lý luận và lịch sử tôn giáo là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về lý luận về tôn giáo như: thuật ngữ tôn giáo, các quan niệm về tôn giáo của các học giả trong một số ngành khoa học xã hội, nguồn gốc, chức năng, vai trò, tính chất, kết cấu của tôn giáo; quan niệm về đạo đức, tín ngưỡng, các hình thức tôn giáo thời nguyên thủy cũng như sự hình thành, phát triển, giáo lý, giáo luật của ba tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người học vận dụng vào trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo của xã hội. Học phần cũng trang bị những phương

pháp nghiên cứu liên ngành Lịch sử và Tôn giáo học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử tôn giáo.

#### **34. (2109313) Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)**

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về Di sản văn hoá bao gồm: Khái niệm di sản văn hoá; Phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản; Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (Giới thiệu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu: Dân ca quan họ Bắc Ninh, Ca trù, Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên, Nhã nhạc cung đình Huế, Đờn ca tài tử Nam Bộ, Hát xoan, Hát ví dặm; Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu: Trống đồng Đông Sơn, Thành Cổ Loa, Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội), Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thành Nhà Hồ, Cố đô Huế, Tháp Chăm; Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu: Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng, Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Cát Tiên; Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu: Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình), Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh).

#### **35. (2109314) Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông (2 tín chỉ)**

Học phần Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho sinh viên nhiều vấn đề liên quan đến giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, phân tích được mối liên hệ giữa Bộ môn Lịch sử với việc giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, khái quát được nội dung chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, lựa chọn được các biện pháp và hình thức giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia,...

Học phần Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông gồm 4 chương

Chương 1. Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Chương 2. Nội dung giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Chương 3. Các hình thức, biện pháp giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Chương 4. Vận dụng, thực thành giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia vào bài học cụ thể

### **36. (2109315) Lịch sử ngoại giao Việt Nam (2 tín chỉ)**

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh; tổng kết những kinh nghiệm của cha ông trong việc kết hợp đấu tranh ngoại giao với các hình thức đấu tranh khác như: chính trị, quân sự và kinh tế để bảo vệ quyền lợi tối cao của dân tộc; truyền thống ngoại giao hòa hiếu của ông cha ta, tạo nên một trong những cơ sở của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Học phần Lịch sử ngoại giao Việt Nam gồm 4 chương

Chương 1. Ngoại giao Việt Nam thời kì trước năm 1945

Chương 2. Ngoại giao trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Chương 3. Ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

Chương 4. Ngoại giao trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2005)

### **37. (2109316) Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam (2 tín chỉ)**

Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức lịch sử dân tộc Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh mang tính tất yếu hợp qui luật dưới sự tác động của truyền thống dân tộc, đất nước, quê hương và thời đại. Hồ Chí Minh không chỉ là sản phẩm của dân tộc và thời đại mà Người đã nhận thức được yêu cầu của dân tộc, thời đại, nắm bắt được qui luật lịch sử, đồng thời Người đã hành động theo đúng qui luật đó, góp phần to lớn tạo nên sự phát triển của dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại: tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với Trung ương

Đảng tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ... đồng thời Người đã góp phần xây dựng nền văn hóa mới của dân tộc. Từ đó, giáo dục lòng biết ơn của các thế hệ đối với Người và hành động theo con đường mà Người đã trải qua: suốt đời chiến đấu cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của nhân loại: độc lập, dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội.

Học phần Vai trò Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam gồm 2 chương

Chương 1. Dân tộc, thời đại đã sản sinh ra Hồ Chí Minh

Chương 2. Vai trò của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

### **38. (2109317) Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử (2 tín chỉ)**

Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Học phần Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử gồm 4 chương

Chương 1. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra đánh giá

Chương 2. Các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông

Chương 3. Nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông (Chương trình chuẩn và nâng cao)

Chương 4. Kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra – đánh giá trong dạy học lịch sử

### **39. (2109318) Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 (3 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học lịch sử, Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử.**

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận và thực hành kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; rèn luyện kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch; kỹ năng xây



dựng hồ sơ tư liệu và rèn luyện tác phong sư phạm.

Học phần kết cấu gồm 4 chương

Chương 1. Thực hành rèn luyện kỹ năng diễn đạt trong DHLS ở trường phổ thông.

Chương 2. Thực hành kỹ năng sử dụng bảng đen và xây dựng hồ sơ tư liệu phục vụ việc dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Chương 3. Thực hành kỹ năng sử dụng CNTT và khai thác Internet trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Chương 4. Thực hành rèn luyện tác phong sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

#### **40. (2109319) Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)**

##### **Học phần tiên quyết/học trước: Không**

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần giới thiệu về những kiến thức cơ sở, khái quát và toàn diện về lịch sử văn minh nhân loại từ cổ trung đại hiện đại. Những khái niệm về Văn minh, Văn hóa; Cơ sở hình thành và những thành tựu về khoa học kỹ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại. Cơ sở hình thành bao gồm: Những điều kiện tự nhiên; điều kiện xã hội; điều kiện lịch sử. Những thành tựu bao gồm: Chữ viết; Văn học; Tôn giáo; Hệ tư tưởng; Triết học; Nghệ thuật; Thiên văn; Toán học; Vật lý; Y học và những phát minh về khoa học kỹ thuật.

#### **41. (2109320) Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức lí luận và kỹ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT gồm: Hệ thống các phương pháp và các hình thức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực; Cách thức thiết kế giáo án dạy học, tiến hành các loại bài học lịch sử trên lớp, các bài ngoại khóa, ôn tập, sơ kết, tổng kết, kiểm tra đánh giá; Hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử; Những yêu cầu, nhiệm vụ đối với người giáo viên lịch sử.

Học phần Phương pháp và hình thức tổ chức dạy lịch sử kết cấu gồm 5 chương

Chương 1. Phương pháp dạy học lịch sử và quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Chương 2. Hệ thống PP và các hình thức tổ chức DHLS ở trường phổ thông

Chương 3. Bài học lịch sử ở trường phổ thông

Chương 4. Hoạt động ngoại khóa trong DHLS

Chương 5. Người giáo viên lịch sử

**42. (2109321) Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lí luận dạy học lịch sử, Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử.**

Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về chương trình như: khái niệm, cấu tạo chương trình; mối quan hệ giữa chương trình với SGK; so sánh Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 với một số chương trình trước để chỉ ra ưu khuyết của từng chương trình. Trên cơ sở cập nhật những thông tin mới về phát triển chương trình đào tạo.

Học phần Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông kết cấu gồm 5 phần:

Phần 1. Một số khái niệm và phân loại chương trình GDPT

Phần 2. Cấu tạo chương trình

Phần 3. Quan hệ giữa chương trình và sách giáo khoa

Phần 4. Phát triển chương trình đào tạo

Phần 5. Dạy học lịch sử theo chương trình

**43. (2109323) Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới cận đại**

Học phần “Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận liên quan đến chủ nghĩa tư bản: các học thuyết liên quan đến sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, các cuộc cách mạng tư sản; các giai đoạn phát triển (tự do cạnh tranh, độc quyền, độc quyền nhà nước, hiện đại), những đặc điểm của CNTB hiện đại. Khái quát về sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản., tìm hiểu một số vấn đề như tiền đề tình thế cách mạng, giai cấp lãnh đạo, động lực, nhiệm vụ, thành quả và hạn chế.



Học phần này được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản

Chương 2: Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản

Chương 3: Một số quốc gia tư bản chủ nghĩa trên thế giới

#### **44. (2109322) Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học lịch sử, Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1**

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng, kỹ năng đứng lớp với các thao tác, phương pháp phù hợp với từng loại bài học lịch sử ở nhà trường phổ thông.

Học phần kết cấu gồm 3 chương

Chương 1. Thực hành thiết kế bài dạy và giảng dạy “Bài cung cấp kiến thức mới”.

Chương 2. Thực hành thiết kế bài dạy và giảng dạy “Bài ôn tập, sơ kết, tổng kết”

Chương 3. Thực hành thiết kế bài dạy và giảng dạy “Bài hỗn hợp”

#### **45. (2109324) Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại**

Học phần “Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương” thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận về quan hệ quốc tế (khái niệm, quá trình hình thành, phương pháp nghiên cứu); những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế qua các giai đoạn, những xu thế chính trong quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các nước lớn trong quan hệ quốc tế.

Học phần Lịch sử quan hệ quốc tế được kết cấu thành 5 chương:

Chương 1: Nhập môn quan hệ quốc tế

Chương 2: Lịch sử quan hệ quốc tế thời cổ đại

Chương 3: Lịch sử quan hệ quốc tế thời trung đại

Chương 4: Lịch sử quan hệ quốc tế thời cận đại

Chương 5: Lịch sử quan hệ quốc tế thời hiện đại

#### **46. (2109325) Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại**

Học phần “Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á” thuộc phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức gồm: Tiến trình lịch sử Đông Nam Á; Quá trình thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á, chính sách cai trị của thực dân và hệ quả của nó; Phong trào đấu tranh hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai; Thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành độc lập.

Nội dung học phần được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lịch sử- văn hóa Đông Nam Á cổ trung đại

Chương 2: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á

Chương 2: Cuộc đấu tranh hoàn thành giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai. Và công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành được độc lập dân tộc

#### **47. (2109326) Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại**

Học phần “Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo hệ đại học sư phạm Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về các phong trào cải cách, canh tân ở châu Á thông qua việc trình bày một số phong trào cải cách cơ bản ở châu Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868- 1912), cải cách ở Xiêm thời Chulalongkorn (1868-1910), Duy tân ở Trung Quốc, các phong trào cải cách ở Trung Quốc, và những xu hướng cải cách ở Việt Nam.

Học phần Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những yêu cầu và tiền đề cho các cuộc cải cách của các nước châu Á

Chương 2: Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận hiện đại

Chương 3: Kết luận chung về các cuộc cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại

#### **48. (2109327) Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay (2 tín chỉ)**

##### **Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới hiện đại**

Học phần “Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay” thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp kiến thức về công cuộc cải cách kinh tế - xã hội Trung Quốc, lý giải cơ sở xuất hiện lý luận cải cách của các nhà lý luận Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất là của Đặng Tiểu Bình trên cơ sở kế thừa những tư tưởng của các nhà lý luận nổi tiếng thế giới. Học phần nêu rõ những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội, những chỉ số phát triển cơ bản: chỉ tiêu về kinh tế, về cơ cấu xã hội, về nâng cao đời sống nhân dân, những thành tựu to lớn mà nhân dân TQ đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội; luận giải một số điểm tương đồng và khác biệt trong cải cách kinh tế TQ và đổi mới VN.

Học phần “Một số vấn đề cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay” được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Hoàn cảnh lịch sử và cơ sở lý luận của công cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc

Chương 2: Tiến trình cải cách – mở cửa

Chương 3: Những thành tựu, đặc điểm, tồn tại, bài học kinh nghiệm của công cuộc cải cách

Chương 4: Một số đối sánh giữa cách cách ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam

#### **49. (2109328) Thực tế chuyên môn 1 (2 tín chỉ)**

Thực tế chuyên môn 1 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình khẩn hoang và xác lập chủ quyền đất nước ở khu vực Nam Bộ. Quá trình khẩn hoang, di cư lập làng và vai trò của các chúa Nguyễn trong việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Qua học tập tại các bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa giúp sinh viên nhận thức toàn diện hơn về lịch sử dân tộc, gắn học với hành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của một giáo viên môn

lịch sử ở trường trung học. Học phần cũng trang bị những phương pháp nghiên cứu thực tế điền dã, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử.

#### **50. (2109329) Thực tế chuyên môn 2 (2 tín chỉ)**

Thực tế chuyên môn 1 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình hình thành nhà nước. Quá trình đấu tranh giữ nước và mở rộng bờ cõi cương vực. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực Trung bộ, Bắc bộ. Qua học tập tại các bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa giúp sinh viên nhận thức toàn diện hơn về lịch sử dân tộc, gắn học với hành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của một giáo viên môn lịch sử ở trường trung học. Ngoài ra học phần cũng trang bị những phương pháp nghiên cứu thực tế điền dã, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử.

#### **51. (2109332) Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) (2 tín chỉ)**

Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phần đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930 – 1945, 1945 – 1954, 1954 – 1975. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.

Học phần Kết luận: Bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) gồm 5 chương

Chương mở đầu: Vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam

Chương 1. Mặt trận dân tộc thống nhất thời kỳ 1930-1945

Chương 2. Mặt trận dân tộc thống nhất thời kỳ 1945-1954

Chương 3. Mặt trận dân tộc thống nhất thời kỳ 1954-1975

Chương 4: Một số nhận xét và bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam

#### **52. (2109333) Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử (3 tín chỉ)**

Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phân thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử Học phần cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.

Học phần Sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử kết cấu gồm 3 chương

Chương 1. Ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử

Chương 2. Các đồ dùng trực quan cần thiết để khai thác để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử

Chương 3. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử

### **53. (2109401) Cộng đồng các dân tộc Việt Nam (2 tín chỉ)**

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam với những nội dung chính: Thành phần dân tộc theo dân số, thành phần dân tộc theo ngữ hệ; Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam; Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Qua học tập nội dung kiến thức về cộng đồng các dân tộc Việt Nam giúp sinh viên nhận thức toàn diện hơn về lịch sử dân tộc, gắn học với hành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của một giáo viên môn lịch sử ở trường trung học. Bên cạnh đó học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

### **54. (2109402) Làng xã Việt Nam trong lịch sử (2 tín chỉ)**

Làng xã Việt Nam trong lịch sử là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần

cung cấp hệ thống kiến thức về làng xã Việt Nam bao gồm: Giới thiệu chung về làng xã; Khái niệm làng xã; Các loại hình làng xã; Tên gọi làng xã; Nguồn gốc và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam (Nguồn gốc của làng xã; Quá trình phát triển làng xã Việt Nam); Kinh tế làng xã (Kinh tế nông nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất, thương nghiệp, thủ công nghiệp làng xã); Tổ chức xã hội ở làng xã Việt Nam; Văn hóa làng xã (phong tục tập quán; lễ hội truyền thống). Qua đó giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về lịch sử dân tộc, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của một giáo viên môn lịch sử ở trường trung học. Học phần cũng trang bị những phương pháp và các thao tác trong nguyên cứu liên ngành lịch sử - văn hóa, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử Việt Nam.

### **55. (2109403) Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại (2 tín chỉ)**

#### **Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại**

Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần bao gồm chương mở đầu có tính nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Hai phần chính của học phần trình bày về nghệ thuật quân sự của cha ông trong các cuộc kháng chiến giữ nước ở thời cổ trung đại, từ thời Hùng Vương cho đến triều Nguyễn.

Học phần Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại kết cấu gồm 2 phần

Phần I: Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời kỳ cổ đại

Phần II: Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời kỳ trung đại

### **56. (2109404) Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) (2 tín chỉ)**

#### **Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam hiện đại**

Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Nội dung của học phần giới thiệu vai trò của hậu phương trong chiến tranh nói chung; vai trò của hậu phương kháng chiến chống Pháp 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. Trên cơ sở này rút ra bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Học phần Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) bao gồm những nội dung cụ thể như sau:

Mở đầu: Vai trò của hậu phương trong chiến tranh

Chương 1: Hậu phương trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Chương 2: Hậu phương trong kháng chiến chống Pháp (1954 – 1975)

Kết luận: Bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam

**57. (2109405) Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975) (2 tín chỉ)**

Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975) là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm chiến lược tiến công, cơ sở hình thành chiến lược tiến công, diễn biến chiến lược tiến công, phương châm đấu tranh nhằm đưa chiến lược tiến công đi đến thắng lợi, ý nghĩa chiến lược tiến công trong lịch sử dân tộc nói chung và trong kháng chiến chống Mỹ nói riêng. Cuối cùng là bài học kinh nghiệm từ chiến lược tiến công đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.

Học phần Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975) 3 gồm chương

Chương 1. Sự hình thành thế chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam

Chương 2. Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1961-1975)

Chương 3. Ý nghĩa lịch sử

**58. (2109406) Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX (2 tín chỉ)**

Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX. Dưới tác động của những điều kiện lịch sử thế giới và trong nước, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã chuyển biến trên các mặt tư tưởng chính trị, tổ chức lãnh đạo và các hình thức biểu hiện của phong trào, từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản đến phạm trù vô sản. Đây là sự chuyển biến có tính qui luật tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.

Học phần Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX gồm 3 chương

Chương 1. Những điều kiện lịch sử tác động đến sự chuyển biến phong trào GPDT Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX

Chương 2. Sự chuyển biến của phong trào GPDT Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX

Chương 3. Đặc điểm, ý nghĩa của sự chuyển biến trong phong trào GPDT Việt Nam 30 năm đầu thế kỷ XX

**59. (2109407) ASEAN – những chặng đường lịch sử (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về: Bối cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam – ASEAN.

Học phần ASEAN – những chặng đường lịch sử được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung

Chương 2: Quá trình hoạt động

Chương 3: Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực

Chương 4: Quan hệ ASEAN – Việt Nam

**60. (2109408) Nhà nước và pháp luật thế giới cổ trung đại (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về lý luận về nhà nước và pháp luật, như: Khái niệm nhà nước và pháp luật, nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật, các hình thức nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa... Nắm vững các loại hình nhà nước phương Đông và phương Tây cổ đại, cũng như nhà nước phong kiến ở phương Đông và phương Tây. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người học vận dụng vào trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về nhà nước và pháp luật trong đời sống, xã hội hiện nay.

Học phần Nhà nước và pháp luật thế giới cổ trung đại được kết cấu thành 2 chương:

Chương 1: Nhà nước và pháp luật thời cổ đại

Chương 2: Nhà nước và pháp luật thời trung đại

**61. (2109409) Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết: Nhập môn sử học sử học, Lý luận DHLS**

Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về các khái niệm kiến thức lịch sử,



sự kiện lịch sử cơ bản, quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh ở trường THPT. Từ tài liệu - sự kiện tạo biểu tượng lịch sử, trên cơ sở các biểu tượng đó hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử.

Học phần Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông kết cấu gồm 3 chương

Chương 1. Kiến thức lịch sử

Chương 2. Sự kiện lịch sử

Chương 3. Con đường hình thành tri thức lịch sử cho học sinh phổ thông

## **62. (2109410) Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương (2 tín chỉ)**

Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm “Địa phương”, về đối tượng nghiên cứu và vị trí của bộ môn, về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.

Học phần Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương gồm 8 chương

Chương mở đầu: Nhập môn về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy LSDP.

Chương 1. Các nguồn sử liệu trong nghiên cứu lịch sử địa phương.

Chương 2. Công tác tổ chức nghiên cứu lịch sử địa phương.

Chương 3. Các phương pháp cụ thể trong nghiên cứu lịch sử địa phương

Chương 4. Xây dựng kế hoạch bài dạy lịch sử địa phương.

Chương 5. Giảng dạy bài lịch sử địa phương trên lớp và tại thực địa.

Chương 6. Tổ chức hoạt động ngoại khóa về lịch sử địa phương.

Chương 7. Xây dựng lịch sử nhà trường và phòng truyền thống nhà trường.

## **63. (2109411) Cơ sở bảo tàng học (2 tín chỉ)**

Cơ sở bảo tàng học là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo tàng bao gồm: công tác sưu tầm, kiểm kê và bảo quản hiện vật

bảo tàng; công tác trưng bày, phổ biến kiến thức khoa học của bảo tàng. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.

Học phần bao gồm ba chương

Chương 1. Một số kiến thức cơ bản của bảo tàng học

Chương 2. Công tác sưu tầm, kiểm kê và bảo quản hiện vật bảo tàng

Chương 3. Công tác trưng bày, phổ biến kiến thức khoa học của bảo tàng

#### **64. (2109412) Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVI – XVIII (2 tín chỉ)**

##### **Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.**

Phong trào nông dân thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần trình bày bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thời kì khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến, trong đó tập trung phân tích về thực trạng xã hội Việt Nam trong thời kỳ này để lý giải nguyên nhân làm bùng nổ phong trào nông dân. Trên cơ sở đó tìm hiểu về những đặc điểm, nguyên nhân thất bại của phong trào, đồng thời rút ra những nhận xét, đánh giá vai trò của phong trào nông dân đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc.

Học phần bao gồm những nội dung cụ thể như sau:

Chương 1. Lý luận về phong trào nông dân và khởi nghĩa nông dân

Chương 2. Thực trạng xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII và sự bùng nổ phong trào nông dân

Chương 3. Sự suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX và sự phát triển của phong trào nông dân

Chương 4. Nhận xét về phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX

#### **65. (2109413) Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam (2 tín chỉ)**

Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Học phần Cải cách duy

tân ở Việt Nam (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) giúp sinh viên thấy được vai trò của cải cách, đổi mới trong quá trình xây dựng phát triển xã hội, rút ra được những bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới hiện nay.

Học phần Khuyh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam gồm 3 chương

Chương 1. Khuyh hướng canh tân đất nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX.

Chương 2. Phong trào duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Chương 3. Khái quát phong trào cải cách ở một số nước châu Á cuối TK XIX đầu TK XX.

#### **66. (2109414) Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới cận đại, Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á**

Học phần “Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX” là học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của hệ đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử *quan hệ chính trị, quân sự, ngoại giao...* giữa 4 nước Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các đặc điểm, tính chất và sự ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau giữa các nước nói trên trong quá khứ cũng như hiện nay.

Học phần được cấu trúc thành 3 chương như sau:

Chương 1. Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ 1778 đến 1802

Chương 2. Quan hệ Xiêm - Lào - Campuchia - Việt Nam từ 1802 đến 1847

Chương 3. Quan hệ Xiêm - Lào - Campuchia - Việt Nam từ 1847 đến 1893

#### **67. (2109415) Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX (2 tín chỉ)**

**Học phần tiên quyết/học trước: Lịch sử thế giới hiện đại**

Học phần “Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX” là một trong số các học phần tự

chọn của khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần hướng đến việc cung cấp kiến thức cho người học về hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX, về chiến tranh Lạnh và phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu chuộng hoà bình thế giới vì một thế giới hoà bình hơn.

Nội dung học phần được xây dựng thành 2 chương:

Chương 1: Chiến tranh và hoà bình trong nửa đầu thế kỉ XX

Chương 2: Chiến tranh và hoà bình trong nửa sau thế kỉ XX

#### **68. (2109330) Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.

#### **69. (2109331) Thực tập sư phạm 2 (5 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**